

Số: 33/QĐ-THSITX

Mường Thanh, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/9/2025 của Chính phủ, từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025.
Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 THANH XƯƠNG

Căn cứ điều 11 Điều lệ trường tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ vào Biên bản xét duyệt chế độ học sinh từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025, năm học 2025-2026 của Trường tiểu học số 1 Thanh Xương;

Xét đề nghị của Hội đồng xét chế độ học sinh trường tiểu học số 1 Thanh Xương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ, từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025, năm học 2025-2026 của trường tiểu học số 1 Thanh Xương. (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao kế toán nhà trường phối hợp cùng với GVCN các lớp tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bộ phận Kế toán nhà trường và các GVCN có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu Kế toán, VT;


Hoàng Ngọc Vĩnh



DANH SÁCH
HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO
NGHỊ ĐỊNH 238/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-THS1TX ngày 03/10/2025)

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Lớp</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Đức Nhật	4A1	Khuyết tật
2	Quảng Văn Huy	4A1	Khuyết tật
3	Đào Minh Khang	1A1	Nơi thường trú bản khó khăn
4	Nguyễn Bảo Hân	1A1	Nơi thường trú bản khó khăn
5	Vừ Giang Huy Hoàng	2A1	Nơi thường trú bản khó khăn
6	Vừ Thị Kim Liên	2A1	Nơi thường trú bản khó khăn
7	Lò Triệu Đạt	2A2	Nơi thường trú bản khó khăn
8	Lò Minh Châu	3A2	Nơi thường trú bản khó khăn
9	Vừ Giảng Hoàng Kim	4A1	Nơi thường trú bản khó khăn
10	Đào Thái Nguyên	4A2	Nơi thường trú bản khó khăn
11	Lò Duy Tùng	5A1	Nơi thường trú bản khó khăn
12	Lò Thị Hà Vy	5A2	Nơi thường trú bản khó khăn
13	Cà Triệu Đạt	5A2	Nơi thường trú bản khó khăn
14	Lò Thị Thanh Trúc	5A1	Nơi thường trú bản khó khăn
15	Nguyễn Trà My	5A3	Nơi thường trú bản khó khăn

(Danh sách này có 15 học sinh)

UBND PHƯỜNG MƯỜNG THANH
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 THANH XƯƠNG

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ THEO ND 66/2025/ND-CP NGÀY 12/03/2025 TỪ
THÁNG 9 - 12 NĂM 2025

(Kèm theo CV số: 84//CV-VHXXH ngày 10/09/2025 của phòng UBND phường Mường Thanh - Điện Biên)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú (Năm học 2025 - 2026)	Ghi chú
1	Đào Minh Khang	15/07/2019	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	1A1	Bản ĐBKK
2	Nguyễn Bảo Hân	28/10/2019	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	1A1	Bản ĐBKK
3	Vừ Giang Huy Hoàng	05/09/2018	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	2A1	Bản ĐBKK
4	Vừ Thị Kim Liên	21/07/2018	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	2A1	Bản ĐBKK
5	Lò Triệu Đạt	17/08/2018	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	2A2	Bản ĐBKK
6	Lò Minh Châu	17/10/2017	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	3A2	Bản ĐBKK
7	Vừ Giảng Hoàng Kim	21/08/2016	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	4A1	Bản ĐBKK
8	Đào Thái Nguyên	24/04/2026	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	4A2	Bản ĐBKK
9	Lò Duy Tùng	10/02/1015	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	5A1	Bản ĐBKK
10	Lò Thị Hà Vy	02/01/2025	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	5A2	Bản ĐBKK
11	Cà Thành Đạt	24/05/2015	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	5A2	Bản ĐBKK
12	Lò Thị Thanh Trúc	29/08/2015	936,000		15	4	3,744,000	1,440,000	60	5 A1	Hộ nghèo
	Tổng cộng						44,928,000	17,280,000	720		

Mường Thanh, ngày..... tháng 10 năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Bích Thuận

